

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA V.I.LÊNIN VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

TS. NGUYỄN DƯƠNG HÙNG^(*)
ThS. NGUYỄN THỊ NHƯ YẾN^(**)

Ngày nhận bài: 16/6/2022 Ngày thẩm định: 15/9/2022 Ngày duyệt đăng: 20/10/2022

Tóm tắt: *Quan niệm của V.I.Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự kế thừa, vận dụng sáng tạo, phát triển những nguyên lý của chủ nghĩa Mác trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản chuyên sang chủ nghĩa đế quốc và trong điều kiện cụ thể của nước Nga. Những bổ sung, vận dụng sáng tạo phát triển của V.I.Lênin về thời kỳ quá độ có vai trò quan trọng cho phong trào công nhân quốc tế, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các quốc gia theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.*

Từ khóa: *V.I. Lenin, thời kỳ quá độ; xây dựng chủ nghĩa xã hội*

1. Quan điểm của V.I.Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

● Cách mạng Tháng Mười Nga thành công (năm 1917), chính quyền về tay giai cấp công nhân, nhân dân lao động và nhà nước chuyên chính vô sản Nga. Đảng Bôn-sê-vích, đứng đầu là V.I.Lênin, đã vận dụng lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga. Trong quá trình vận dụng đó, V.I.Lênin đã bổ sung và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác vào điều kiện cụ thể của nước Nga với nhiều quan điểm lý luận có giá trị, đặc biệt là việc chuyển đổi từ chính sách *Cộng sản thời chiến* sang chính sách *Kinh tế mới* và những luận giải về mối quan hệ giữa hai hình thái kinh tế - xã hội trong điều kiện cụ thể của nước Nga. Theo ông, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan đối với tất cả các

nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng với những nước có lực lượng sản xuất phát triển cao thì thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội sẽ có nhiều thuận lợi hơn, thời gian có thể ngắn hơn so với những nước đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa từ nền kinh tế kém phát triển.

V.I.Lênin khẳng định: “Về lý luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn, và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu”⁽¹⁾. Đây chính là thời kỳ mà trong lĩnh vực kinh tế “có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa

^(*)Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

^(**)Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận

xã hội không? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có⁽²⁾. V.I.Lênin cũng đưa ra 04 đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội:

1) Xét về mọi mặt của đời sống xã hội, đều do nhiều thành phần không thuần nhất tạo nên. Đó là thời kỳ có sự đan xen, thâm nhập lẫn nhau giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội;

2) Sự phát triển của cái cũ, của những trật tự cũ đôi khi lấn át những mầm mống của cái mới, những trật tự mới;

3) Xét về mọi phương diện, đều có sự phát triển của tính tự phát tiêu tư sản, là thời kỳ chứa đựng mâu thuẫn không thể dung hòa giữa tính kỷ luật nghiêm ngặt của giai cấp vô sản và tính vô chính phủ, vô kỷ luật của các tầng lớp tiêu tư sản. Đây chính là một trong những đặc điểm nổi bật của giai đoạn quá độ;

4) Là thời kỳ lâu dài, có rất nhiều khó khăn, phức tạp, phải trải qua nhiều lần thử nghiệm để rút ra những kinh nghiệm, những hướng đi đúng đắn; tuy nhiên, trong quá trình thử nghiệm ấy có thể phải trả giá cho những sai lầm nghiêm trọng⁽³⁾.

V.I.Lênin cũng phân chia quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa cộng sản thành 03 giai đoạn:

1) Giai đoạn “những cơn đau đẻ kéo dài”, tức “thời kỳ quá độ” từ chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội;

2) Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, hay còn gọi là giai đoạn thấp, tương ứng là xã hội xã hội chủ nghĩa;

3) Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chính là xã hội cộng sản chủ nghĩa (hay chủ nghĩa cộng sản) đã ở mức độ hoàn bị đúng bản chất của nó.

Cách chia trên cho thấy, “thời kỳ quá độ” là một giai đoạn độc lập, có vị trí riêng biệt nằm giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, nó chưa phải là chủ nghĩa xã hội, cũng không nằm ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Đây là một nhận thức quan trọng trong cả lý luận và thực tiễn, cho phép những người cộng

sản xác định được đặc điểm, nội dung, nhiệm vụ, mục đích của thời kỳ quá độ cũng như các giai đoạn tiếp theo, tránh được những quan điểm sai lầm, chủ quan, duy ý chí.

Tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của thời kỳ quá độ cũng được V.I.Lênin chỉ rõ, đồng thời nó được quy định, phụ thuộc bởi xuất phát điểm từ những tiền đề về kinh tế, văn hóa, xã hội khi bước vào thời kỳ quá độ của mỗi quốc gia cụ thể. V.I.Lênin đã nhấn mạnh: “... tất yếu phải có một thời kỳ quá độ lâu dài và phức tạp từ xã hội tư bản chủ nghĩa (xã hội đó càng ít phát triển, thì thời kỳ đó càng dài)... tiến lên xã hội cộng sản chủ nghĩa”⁽⁴⁾. Điều này cho thấy, bản thân những nước tiến lên chủ nghĩa xã hội từ chủ nghĩa tư bản đã cần phải có thời kỳ quá độ khá lâu dài, thì đối với những nước có điểm xuất phát thấp hơn chủ nghĩa tư bản (tiền chủ nghĩa tư bản), chắc chắn sẽ phải có một thời kỳ quá độ lâu dài hơn gấp nhiều lần. Điều này hoàn toàn đúng về tính quy luật và tính khách quan. Theo tính quy luật, chủ nghĩa xã hội ra đời trên cơ sở của sự phát triển đến đỉnh cao của chủ nghĩa tư bản; tuy nhiên, về khách quan, chủ nghĩa xã hội cũng có thể ra đời từ xuất phát điểm thấp hơn chủ nghĩa tư bản khi những tiền đề cho sự ra đời xuất hiện và thời cơ chín muồi. Đó chính là những khả năng, con đường hiện thực ra đời một cách tất yếu của xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Với nhận thức đó, V.I.Lênin đã luận giải 02 hình thức quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội:

Một là, quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ những nước tư bản đã phát triển. Đây còn gọi là hình thức quá độ trực tiếp;

Hai là, quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ những nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây còn gọi là hình thức quá độ gián tiếp.

Theo V.I.Lênin, cả 02 hình thức này, trong thời kỳ quá độ đều đan xen “những mảnh”, “những yếu tố” của xã hội mới và của cả xã hội cũ. Những yếu tố mới, tiến bộ còn non

trẻ và đang phát triển, những yếu tố cũ đã lạc hậu, yếu ớt cố giành lại ảnh hưởng trong lòng xã hội mới. Nó tạo ra một thời kỳ đấu tranh lâu dài giữa những yếu tố cũ và mới. Riêng với hình thức thứ hai, thời kỳ quá độ sẽ diễn ra trong khoảng thời gian khá dài, phải trải qua nhiều bước đi thích hợp với một khối lượng công việc to lớn, bao gồm trong đó không chỉ những nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mà còn phải đồng thời đạt được cả những thành tựu căn bản mà chủ nghĩa tư bản đã phải mất hàng trăm năm mới có được. Điều này được V.I.Lênin ví như việc “bắc những nhịp cầu nho nhỏ” để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đối với nước Nga, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, theo V.I.Lênin, còn tồn tại 05 thành phần kinh tế là: “1) kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, nghĩa là một phần lớn có tính chất tự nhiên; 2) sản xuất hàng hóa nhỏ (trong đó bao gồm đại đa số nông dân bán lúa mì); 3) chủ nghĩa tư bản tư nhân; 4) chủ nghĩa tư bản nhà nước; 5) chủ nghĩa xã hội”⁽⁵⁾, do đó, nhà nước chuyên chính vô sản cần tận dụng tối đa các giá trị của chủ nghĩa tư bản nhà nước và hướng nó theo chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, chủ nghĩa tư bản nhà nước vẫn là một bước tiến to lớn và nó sẽ đưa chúng ta đến chủ nghĩa xã hội bằng con đường chắc chắn nhất⁽⁶⁾; nó “là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội”, là phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội⁽⁷⁾, là “một biện pháp nhất định để củng cố Chính quyền xô-viết”⁽⁸⁾.

Với những nhận thức như vậy, việc chấm dứt chính sách “Cộng sản thời chiến” và đưa ra chính sách “Kinh tế mới” (NEP) năm 1921 ở Nga của V.I.Lênin là sự vận dụng, phát triển sáng tạo, đúng quy luật của chủ nghĩa Mác vào tình hình cụ thể nước Nga Xô viết, một quốc gia tiền tư bản chủ nghĩa, đi lên chủ nghĩa xã hội. Những nội dung trong chính sách NEP cũng thể hiện về căn bản quan niệm, bản chất, hình thức và nội dung về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của V.I.Lênin.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng quan điểm của V.I.Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Ở Việt Nam, quá trình vận dụng sáng tạo và bổ sung, phát triển lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, của V.I.Lênin nói riêng, thể hiện trong từng giai đoạn với những nhận thức nhất định và ngày càng được bổ sung, phát triển phù hợp với đặc thù của quốc gia, dân tộc. Điều này **thể hiện ở những điểm** sau:

Thứ nhất, về tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rõ con đường cách mạng của nước ta là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁽⁹⁾. Đối với nhiệm vụ “thổ địa cách mạng”, Hồ Chí Minh cho rằng, do điều kiện đặc thù của nước ta, nên “tiến lên chủ nghĩa xã hội, không thể một sớm một chiều”, mà cần thực hiện từng bước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội⁽¹⁰⁾. Khi hòa bình lập lại (năm 1954) mong muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách nhanh chóng ở miền Bắc, Hội nghị Trung ương 13, khóa II (tháng 12/1957) đã nhấn mạnh quan điểm quá độ trực tiếp thay thế cho quan điểm quá độ dần dần, từng bước⁽¹¹⁾. Quan điểm này được duy trì trong giai đoạn trước đổi mới và đã đạt được nhiều thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là động viên được sức người, sức của trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, góp phần quan trọng vào sự thống nhất đất nước. Tuy nhiên, sau khi đất nước hoàn toàn độc lập, việc duy trì quá lâu quan điểm trên, không gắn với tình hình thực tiễn của Việt Nam và thế giới, đã phát sinh những hệ lụy tiêu cực. Kết quả là, đến cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Việt Nam đã rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

Nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã rút ra 04 bài học kinh nghiệm, trong đó khẳng định “Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy

luật khách quan”⁽¹²⁾; và cho rằng, thời kỳ quá độ ở nước ta, “là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng”⁽¹³⁾. Nhận thức này đã khắc phục được tư tưởng chủ quan, nóng vội, giản đơn về thời kỳ quá độ. Đến *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), Đảng cũng khẳng định, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta “đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp;...”⁽¹⁴⁾. Từ đó, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) nhân mạnh, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong “hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc” nên cần phải trải qua quá trình lâu dài với nhiều chặng đường.

Tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục nhận định, thời kỳ quá độ ở nước ta là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, phải trải qua một thời kỳ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế - xã hội có tính chất quá độ. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991* (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng khẳng định: “Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc”⁽¹⁵⁾, trong đó, đặc điểm nổi bật của thời đại là “các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁶⁾. Đây chính là những

nhận thức mới hết sức quan trọng của Đảng về thời kỳ quá độ, đã khắc phục mọi tư tưởng chủ quan, duy ý chí, nôn nóng về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, về nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Với nhận thức phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động phù hợp với hệ thống quy luật khách quan, đổi mới tư duy, rút ra những bài học kinh nghiệm, Đảng đã khẳng định, để đi lên chủ nghĩa xã hội, loài người cần tiếp thu các thành tựu về mọi mặt mà nhân loại đã đạt được trong các chế độ xã hội trước đó. Đây thực chất là bước *phát triển mới về nhận thức* bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là quá độ “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”⁽¹⁷⁾. Nhận thức này trực tiếp khẳng định trên 02 phương diện về “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”. *Một là*, xét trên cơ sở lý luận hình thái kinh tế - xã hội, việc bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua việc *xác lập vị trí thống trị* của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa (đặc trưng bản chất và cơ bản cho phép so sánh sự khác biệt giữa các hình thái kinh tế - xã hội). *Hai là*, xét theo dòng chảy và tiến bộ lịch sử, chủ nghĩa xã hội là nấc thang cao hơn chủ nghĩa tư bản, nên cần tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản, đặc biệt về khoa học và công nghệ nhằm phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng cho mô hình xã hội mới.

Càng đi vào chi đạo thực tiễn, Đảng càng nhận thức rõ hơn, khẳng định bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những

hạn chế về bản chất, các thiết chế, thể chế chính trị, luật pháp không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Song, việc kế thừa những thành tựu này phải trên quan điểm khách quan, phát triển, có chọn lọc và phù hợp với thực tiễn cụ thể của mỗi quốc gia - dân tộc.

Thứ ba, về mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chặng đường đầu trong thời kỳ quá độ

Sau năm 1975, Việt Nam hoàn toàn độc lập, thống nhất nên đường lối chung trong giai đoạn mới được Đại hội lần thứ IV của Đảng xác định là: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 03 cuộc cách mạng⁽¹⁸⁾, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa,... Mục tiêu tổng quát trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ được xác định là: “ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”⁽¹⁹⁾. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc chủ quan, duy ý chí trong việc đề ra đường lối, mục tiêu mà không tuân theo quy luật, thiếu những đánh giá khách quan về tình hình cụ thể sẽ phải trả giá nhất định.

Từ sự nhìn nhận lại tính chất và đặc điểm của thời kỳ quá độ, đánh giá các thành quả và hạn chế trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) đã xác định rõ mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở Việt Nam là “xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”⁽²⁰⁾. Trong đó, mục tiêu của chặng đường

đầu thời kỳ quá độ ở nước ta là: “thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định, vững chắc tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau”⁽²¹⁾.

Tổng kết quá trình hiện thực hóa mục tiêu được xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) và căn cứ vào tình hình thực tế đất nước, Đại hội lần thứ VIII của Đảng khẳng định, nước ta đã “ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng”, kết thúc chặng đường đầu tiên và bắt đầu bước vào chặng đường tiếp theo của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội với nội dung trọng tâm là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Điều này cũng được nhấn mạnh lại ở Đại hội lần thứ IX và Đại hội lần thứ X của Đảng. Đây thực chất là việc cụ thể hóa mục tiêu chung, đồng thời trực tiếp thực hiện mục tiêu của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ mà *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) đã xác định.

Phát triển nhanh và bền vững để sớm kết thúc thời kỳ quá độ, với mục tiêu tổng quát là “xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”⁽²²⁾, là định hướng Đại hội lần thứ XI của Đảng đề ra. Theo đó, đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam cần phấn đấu trở thành “một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁽²³⁾. Mục tiêu này được Đại hội lần thứ XII của Đảng, tiếp tục khẳng định, đồng thời chỉ rõ 12 nhiệm vụ tổng quát⁽²⁴⁾. Tại Nghị quyết Trung ương 5, khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đã làm rõ hơn quan điểm, mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở nước ta⁽²⁵⁾. Tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng, từ đánh giá thực

tiến xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta và tình hình thế giới đương đại đã xác định rõ hơn từng bước mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo đó, đến năm 2025, là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao⁽²⁶⁾.

Thứ tư, về mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội; thể chế kinh tế; mô hình nhà nước trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Từ 06 đặc trưng trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991)⁽²⁷⁾, đến 08 đặc trưng ở Đại hội lần thứ X của Đảng⁽²⁸⁾ và 08 đặc trưng trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011)⁽²⁹⁾, mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta tập trung xây dựng, hướng tới đã được bổ sung, phát triển một cách toàn diện và hoàn chỉnh hơn. Đặc trưng bao trùm, tổng quát là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, cùng các đặc trưng khác với nội dung đều thể hiện tính đặc thù của thời kỳ quá độ, đích hướng tới mà chúng ta đang xây dựng.

Trong các đặc trưng về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta tập trung xây dựng, việc kế thừa những thành tựu mà xã hội loài người đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản thể hiện rõ nét nhất qua các đặc trưng về thể chế kinh tế và mô hình nhà nước, 02 lĩnh vực quan trọng, ảnh hưởng quyết định nhất đến cấu trúc của một hình thái kinh tế - xã hội. Để có được nhận thức này là cả một quá trình tìm tòi, tổng kết thực tiễn, bổ sung và phát triển lý luận của Đảng.

Đổi mới thể chế kinh tế được Đại hội lần thứ VI của Đảng chính thức nêu ra qua yêu cầu cần trở lại quan điểm của V.I.Lênin về một “nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần” trong thời kỳ quá độ, được bổ sung, phát triển

qua nhiều kỳ đại hội. Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định, cần: tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường⁽³⁰⁾, “đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”⁽³¹⁾. Nghị quyết Trung ương 5, khóa XII cũng nhấn mạnh đây là “một nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị”, là “nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững”...⁽³²⁾, Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình phát triển tổng quát của nền kinh tế Việt Nam”⁽³³⁾, vì vậy, cần hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh..., nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam⁽³⁴⁾.

Cũng như vậy, quan niệm về nhà nước mà nhân dân ta tập trung xây dựng đã được nhận thức, bổ sung và phát triển qua nhiều kỳ đại hội. Từ khái niệm “dân chủ” và “hệ thống chính trị” được chính thức đưa vào văn kiện của Đảng ở Hội nghị Trung ương 3 khóa VI, đến khái niệm “nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”⁽³⁵⁾, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) và khái niệm “nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” tại Đại hội lần thứ X của Đảng là những bước phát triển trong nhận thức về mô hình nhà nước ở Việt Nam. Điều này được tiếp tục khẳng định trong Đại hội lần thứ XII⁽³⁶⁾ và Đại hội lần thứ XIII của Đảng⁽³⁷⁾.

3. Một số vấn đề phương pháp luận

Từ quan điểm của V.I.Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và quá trình vận dụng của Đảng ta, có thể rút ra **một số vấn đề phương pháp luận sau:**

Một là, cần phải nhận thức rõ: thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lâu dài, khó khăn, phức tạp, nhất là ở các quốc gia chưa trải qua hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn đốt cháy giai đoạn đều cần phải được phê phán và bác bỏ. Việc lựa chọn quá độ trực tiếp hay gián tiếp là do đặc thù của từng quốc gia quy định.

Hai là, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là giai đoạn chuyển giao giữa 02 hình thái kinh tế - xã hội, do đó, thời kỳ này có sự đan xen đặc điểm của cả hai hình thái, cả tích cực và tiêu cực. Vì vậy, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, các quốc gia dân tộc cần chấp nhận sự đan xen này, chọn lọc, kế thừa các giá trị tiến bộ, từng bước xây dựng các chuẩn mực của xã hội mới trên cơ sở quy luật khách quan của lịch sử.

Ba là, việc vận dụng các quan điểm, giải pháp trong NEP của V.I.Lênin ở các quốc gia chưa phát triển qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tất yếu khách quan, phù hợp với các quy luật khách quan của lịch sử. Điều này đặt yêu cầu cho các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội cần tận dụng tối đa các giá trị mà lịch sử loài người đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản, như: trình độ khoa học - kỹ thuật; trình độ phát triển kinh tế; trình độ quản lý trong sản xuất, nhà nước và xã hội; các giá trị về luật pháp... để từng bước xây dựng lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội mới.

Bốn là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lâu dài, song để đi tới nó cần phải trải qua nhiều mục tiêu nhỏ (hay các bước nhỏ) dựa trên điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia và tình hình thực tiễn thế giới đương đại. Chính vì vậy, việc bổ sung, phát triển các mục tiêu cụ thể theo tính hướng đích chủ nghĩa xã hội là đặc biệt cần thiết đối với các quốc gia theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cần quán triệt và tuân thủ định hướng của Đảng Cộng sản. Hay nói cách khác, cần bảo

đảm vai trò lãnh đạo của Đảng trong suốt thời kỳ quá độ và giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Đây cũng là điều kiện quan trọng để phòng, chống sự phát triển của tính tự phát tiêu tư sản và tính vô chính phủ, vô kỷ luật của các tầng lớp tiêu tư sản và các xu hướng xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa □

(1) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.39, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.309-310

(2) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.36, Sdd, tr.362

(3) GS, PTS. Nguyễn Trọng Chuẩn, PTS. Phạm Văn Đức, PTS. Hồ Sỹ Quý (Đồng chủ biên), *Những quan điểm cơ bản của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1997, tr.162-163

(4) V.I.Lênin *Toàn tập*, t.44, Sdd, tr.197

(5), (6), (7) và (8) V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.43, Sdd, tr.248, 251-252, 256 và 270-271

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998, tr.2

(10) Xem: Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.392

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ mười ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II* (tháng 12/1957) (12), (13), (14), (19), (20), (21), (27) và (35) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tr.29, 41, 310, 42, 318, 318, 315-316 và 316

(15), (16), (22), (23) và (29) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.67, 69, 71, 71 và 70

(17) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr.21

(18) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.67

(24), (30), (31) và (36) Đảng Cộng Sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.77-80, 77-80, 25 và 21

(25) và (32) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017, Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* (26), (33), (34) và (37)

Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.112, 99, 114-115 và 174

(28) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.68